

Số: 48/2023/QĐST-HNGĐ

Thuận An, ngày 09 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 81/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trương Th, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang; tạm trú: tổ D, khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

- Bà Lê Thị Trang N, sinh năm 1989; địa chỉ thường trú: Thôn T, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình; tạm trú: tổ C, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ông Trương Th và bà Lê Thị Trang N tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận kết hôn số 01/2014, ngày 06/01/2014.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ, không quan tâm chăm sóc cho nhau khiến cho cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Trương Th và bà Lê Thị Trang N thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Trong quá trình chung sống, ông Trương Th và bà Lê Thị Trang N có 01 con chung tên Trương Lê Anh T, sinh ngày 27/02/2015. Sau khi ly hôn, bà Lê Thị Trang N nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung. Ông Trương Th cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng, thực hiện cấp dưỡng từ tháng 02 năm 2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3]. Ông Trương Th và bà Lê Thị Trang N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Trương Th và bà Lê Thị Trang N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Th và bà Lê Thị Trang N thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Giao con tên Trương Lê Anh T, sinh ngày 27/02/2015 cho bà Lê Thị Trang N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trương Th cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng, thực hiện cấp dưỡng từ tháng 02 năm 2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trương Th và bà Lê Thị Trang N phải chịu 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003912 ngày 13/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- UBND xã, phường nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Anh Thi